

Khoa kinh tế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới

Nguyễn Thị Trâm*

*TS. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Received: 3/10/2024; Accepted: 9/10/2024; Published: 16/10/2024

Abstract: Fundamental and comprehensive innovation in education and training means innovating major, core, and urgent issues, from perspectives and guiding ideas to goals, content, methods, mechanisms, policies, and conditions to ensure implementation; innovation from the Party's leadership, the State's management to the governance activities of education and training institutions and innovation at all levels of education, especially at the university to create strong transforms from a training process that mainly equips knowledge to develop creative capacity, practical skills, professional ethics and social understanding, gradually approaching advanced levels of science and technology of the world. Within the scope of the article, from clogging teaching and learning methods and testing and evaluating the quality of economic training, the author proposes some recommendations to improve training quality to meet current socio-economic development needs

Keywords: Resolution 29 -NQ/TW; Fundamental innovation; Higher education

1. Đặt vấn đề

Đổi mới, căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được Đảng xác định là một tất yếu khách quan xuất phát từ bối cảnh đất nước, đặc biệt là xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Để phấn đấu giáo dục đào tạo đại học đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, Nghị quyết 29-NQ/TW tiếp tục “đổi mới căn bản và toàn diện” những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, phương pháp, cơ chế, chính sách; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình và bước đi phù hợp. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển, nhằm tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt học tốt, quản lý tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập, đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, Khoa Kinh tế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đã và đang tích cực từng bước hoàn thiện, đổi mới các khâu trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo nhằm đạt

mục tiêu đổi mới, nâng cao chất lượng theo hướng đào tạo gắn với sử dụng, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Đề hướng ứng chủ trương của Đảng, bài viết đề cập một số hiện trạng và giải pháp nhằm đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại Khoa Kinh tế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay”,

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đổi mới chương trình đào tạo

Đổi mới chương trình đào tạo nhằm tạo sự chuyển biến tích cực để đào tạo ra đội ngũ cử nhân kinh tế có chất lượng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp. Chương trình mới, thay vì trình bày dàn trải kiến thức, chỉ cần tập trung giới thiệu kiến thức cốt lõi, chỉ ra phương pháp tiếp cận, cách tìm tài liệu, tự cập nhật kiến thức; tổ chức hoạt động học với nhiều học phần thực hành, thực tập thực tế tại các đơn vị, từ đó sinh viên (SV) có cơ hội tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ vào thực tế. Việc đổi mới chương trình đào tạo tiến hành theo hướng “tinh giản, hiện đại, thiết thực”; điều chỉnh giảm tỷ lệ khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng khối kiến thức giáo dục chuyên ngành; rút ngắn thời gian lên lớp, tăng thời gian thực hành, tự học, tự nghiên cứu. Đặc biệt cập nhật, đưa vào nội dung đào tạo những vấn đề mới về kinh tế, đảm bảo nội dung đào tạo phù hợp với trình độ đào tạo và bậc học, sát với đối tượng SV kinh tế.

Năm 2023, khoa Kinh tế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đã xây dựng 03 chương trình trình độ đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Thương mại điện tử và Kế toán theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đào tạo SV biết bao quát việc hình thành ý tưởng (Conceive), thiết kế (Design), triển khai (Implement) và vận hành (Operate) các sản phẩm và hệ thống có tính phức tạp, có giá trị gia tăng, trong môi trường hiện đại, làm việc theo nhóm. Quá trình xây dựng thẩm định, các thành viên Hội đồng đã làm việc nghiêm túc, khách quan, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế của chương trình đào tạo đang thực hiện cũng như chương trình mới xây dựng. Hội đồng đã quyết định cắt giảm bớt và tách, ghép một số học phần theo hướng giảm tải lý thuyết, tăng thời gian thực hành, làm bài tập, thảo luận v.v...phát huy tính tích cực, chủ động của SV. Trong chương trình đào tạo giảng dạy sâu hơn, sát thực hơn các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, bám sát thực tế các tổ chức kinh tế xã hội sau khi SV tốt nghiệp.

2.2. Đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy, hình thức thi, kiểm tra và đánh giá kết quả đào tạo, bảo đảm phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, nhà trường hướng dẫn khoa xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng trình độ, từng học phần, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của khoa, là căn cứ để giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Đổi mới công tác tuyển dụng giảng viên (GV) theo hướng thi giảng để lựa chọn những GV có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp đối với SV. Tập trung đầu tư CSVC, hệ thống phòng thực hành, phần mềm, máy tính, máy chiếu, thiết bị dạy học. Tiếp tục thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính chủ động của người học, coi trọng việc vận dụng kiến thức và kỹ năng học được. Người học sẽ được dạy cách học, cách nghĩ, tăng cường khả năng tự học để có thể tự phát triển kỹ năng, năng lực, tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng kết hợp với các hoạt động xêmina, làm việc nhóm, thảo luận, hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa và nghiên cứu khoa học (NCKH). Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào phương pháp giảng dạy và học tập. Nội dung các môn học được tinh giản, cơ bản, hiện đại, giảm tính hàn lâm. Tính thực hành và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Thống nhất trong toàn

khoa về biên soạn bài giảng, kế hoạch bài giảng, tổ chức giảng mẫu. Mặt khác, khoa chú trọng đổi mới phương pháp học của SV, biến quá trình đào tạo trở thành quá trình tự đào tạo.

Đồng thời đổi mới hình thức thi, kiểm tra giảm thi vấn đáp, kiểm tra tự luận, lấy điểm tập bài thay thế cho kiểm tra định kỳ, bổ sung hình thức thi trắc nghiệm và chú trọng rèn luyện kỹ năng của SV. Từ việc tổ chức quy trình coi thi, chấm thi độc lập đến công bố kết quả thi. Đáp ứng các yêu cầu cơ bản, bảo đảm quyền cũng như nguyện vọng học tập và thi cử của SV.

Thực hiện tốt việc tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng đào tạo theo quy trình ISO, theo các văn bản của Bộ. Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo. Đánh giá kết quả đào tạo theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức, nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, năng lực thực hành, năng lực tổ chức.

2.3. Đổi mới căn bản công tác quản lý đào tạo, phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý (CBQL)

Đảm bảo dân chủ, thống nhất, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của GV. Coi trọng quản lý chất lượng, Nâng cao vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo ngành, nhất là về công tác nhân sự, nhiệm vụ chuyên môn. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý, nâng cao trách nhiệm và tạo động lực, tính chủ động, sáng tạo của GV. Phát huy vai trò hiệu quả của quản lý nhà nước về chương trình, nội dung và chất lượng đào tạo. Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học công - nghệ hiện đại trong quản lý khoa, quản lý ngành nghề và triển khai công tác đào tạo. Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng liên thông, kịp thời, không trùng lặp, chồng chéo. Phát huy vai trò của Hội đồng đào tạo của khoa. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát đào tạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch giảng dạy, kỷ luật lao động, dự giờ, thăm lớp đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo còn đòi hỏi có đội ngũ CBQL đủ năng lực đáp ứng nhiệm vụ trong bối cảnh mới. Đội ngũ GV và CBQL có vai trò quyết định đối với việc đổi mới giáo dục, đào tạo đại học. Thực hiện phát triển đội ngũ GV và CBQL trước hết cần có kế hoạch đào

tao, bồi dưỡng, chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ GV ở từng chuyên ngành. Để phát triển đội ngũ GV phải có cơ chế để tuyển chọn những người có năng lực, phẩm chất. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ GV theo từng trình độ đào tạo. Tiên tới năm 2030 có 35-40% GV có trình độ tiến sĩ, có năng lực chuyên môn tương ứng với trình độ và ngành nghề đào tạo. Cùng với việc khuyến khích những người có năng lực, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm và năng lực của nhà giáo. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo được thực hiện trên cơ sở đánh giá thực tế năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL cần thực hiện một cách có hệ thống, từ mục tiêu, nội dung, chương trình đến phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL cần bảo đảm thực hiện tốt quy trình đào tạo, bồi dưỡng gồm bốn bước cơ bản là: Xác định nhu cầu; lập kế hoạch; thực hiện kế hoạch và đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên có một loạt các yếu tố liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến quy trình này như thể chế, ngân sách đào tạo, bồi dưỡng, chương trình tài liệu, giáo viên và năng lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, CSVCS, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy của khoa đào tạo cũng như năng lực và động lực học tập của SV. Cần xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng là bước cơ bản, quan trọng để xác định xem đào tạo, bồi dưỡng cái gì, loại năng lực nào cần và loại nào không cần đào tạo, bồi dưỡng. Cách thức đánh giá nhu cầu đào tạo là dựa trên sự so sánh giữa mức độ thành thạo công việc của CBQL với mức độ quan trọng của công việc mà họ đảm nhận. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần phải dựa trên thực tế công việc của CBQL và quy trình đào tạo, bồi dưỡng cần phải bắt đầu từ các bản mô tả công việc của CBQL.

2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ vào trong công tác đào tạo, quản lý

Nên có cách nhìn đúng đắn trong việc xác định vị trí trọng tâm của NCKH trong khoa và trường đại học. Cần có sự chỉ đạo sát sao từ trường, khoa trong việc hoạch định chiến lược NCKH phục vụ giảng dạy và nhu cầu xã hội.

NCKH không chỉ bó hẹp trong trường mà cần có những đề tài “liên khoa”, “liên trường”, “liên quốc

gia”. Như vậy sẽ tập hợp được đông đảo các nhà nghiên cứu có năng lực tham gia những công trình khoa học lớn.

Bên cạnh đó, cần thay đổi tiêu chí đánh giá GV. Nên lấy hai tiêu chí cơ bản: Giảng dạy và NCKH để đánh giá hàng năm.

Nội dung của hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ cần được mở rộng ở nhiều lĩnh vực;

+ Nghiên cứu cơ bản: Phục vụ cho công tác dạy học ở khoa và góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của nhà nước...

+ NCKH giáo dục: Đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy ở các ngành của khoa theo định hướng ứng dụng đáp ứng yêu cầu của xã hội và hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục đào tạo.

+ Nghiên cứu ứng dụng khoa học: Góp phần giải quyết các nhu cầu cấp thiết phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

+ Gắn kết các doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, áp dụng các đề tài NCKH phục vụ sản xuất, dịch vụ.

3. Kết luận

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo là trách nhiệm hàng đầu, là sứ mệnh của mỗi cán bộ GV của khoa và nhà trường trong sự nghiệp đào tạo. Khắc phục khó khăn, nỗ lực tự vượt lên chính mình, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Với sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, sự phối hợp đồng thuận của các phòng khoa, sự nỗ lực, quyết tâm của đội ngũ CBQL, giáo viên và học sinh SV, Khoa Kinh tế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh nhất định sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Ban Chấp hành TƯ (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật. Hà Nội.

[2]. Trịnh Quang Từ (2009), *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH*. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 51. Tháng 12 – 2009.

[3]. [Http://vnExpress.net](http://vnExpress.net) tin nhanh Việt Nam.

[4]. Malmqvist, J. (2015). *Applying the CDIO approach to non-engineering education*. CDIO Asian Regional Meeting, Ho Chi Minh City.